

Số: 27 /BC-UBND

Long An, ngày 26 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, UBND tỉnh đã kịp thời phân giao kế hoạch và tập trung chỉ đạo điều hành các sở ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nhiệm vụ, đạt được kết quả cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

I. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2017 đạt 70.319 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tốc độ tăng trưởng đạt kế hoạch đề ra là 9,53%; trong đó, khu vực I (nông, lâm, ngư nghiệp) đạt mức tăng trưởng 1,19% (kế hoạch 1,5%); khu vực II (công nghiệp, xây dựng) tăng trên 15,83% (kế hoạch 13,5%); khu vực III (thương mại, dịch vụ) tăng 6,96% (kế hoạch 8%). GRDP bình quân đầu người đạt 61 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, cụ thể: Khu vực I chiếm tỷ trọng 18,6% (giảm 1,8% so cùng kỳ), khu vực II chiếm 44,3% (tăng 2,3%), khu vực III chiếm 37,1% (giảm 0,5%).

II. Các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

1. Khu vực nông, lâm, thủy sản (khu vực I): tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn như thời tiết chuyển biến bất thường, mưa trái mùa làm giảm năng suất vụ Đông Xuân; lũ sớm ảnh hưởng đến thu hoạch vụ Hè Thu và diện tích gieo sạ vụ Thu Đông; dịch bệnh trên đồng ruộng diễn biến phức tạp, đặc biệt là muỗi hành (sâu năn), rầy nâu, bệnh đạo ôn... làm cho 6 tháng đầu năm tăng trưởng âm. Tuy nhiên cuối năm đã khôi phục và tăng trưởng dương Cụ thể:

a) Nông nghiệp:

- Tổng diện tích lúa gieo sạ năm 2017¹ đạt 526.718 hecta, bằng 99,7% so với năm 2016². Diện tích thu hoạch 526.286 hecta, năng suất thu hoạch cả năm đạt 50,3 tạ/hecta, giảm 2,8 tạ/hecta so với năm trước. Sản lượng đạt 2.646.876 tấn, giảm 155.267 tấn so với cùng kỳ, đạt 94,8% so với kế hoạch. Trong đó lúa chất lượng cao đạt 1,2 triệu tấn, đạt 120% kế hoạch³.

¹ Gồm vụ mùa, vụ đông xuân, vụ hè thu và vụ thu đông.

² Diện tích giảm chủ yếu vụ thu đông ở các huyện phía bắc (vùng Đồng Tháp Mười) do nước lũ về sớm và lên nhanh, nông dân không thể xuống giống tại vùng không có đê bao.

³ Lúa mùa 2017: diện tích gieo sạ đạt 2.178 ha, giảm 150 ha so với cùng kỳ; Đã thu hoạch xong, diện tích thu hoạch đạt 2.178 ha (tăng 436 ha so với cùng kỳ). Năng suất đạt 28,5 tạ/ha (giảm 2,8 tạ/ha); Sản lượng đạt 6.216 tấn (tăng 760 tấn); diện tích mất trắng do hạn, mặn là 586 ha. Lúa đông xuân 2017: diện tích gieo sạ đạt

Công tác xây dựng “cánh đồng lớn” được tập trung triển khai, đạt 100 lượt cánh đồng, tổng diện tích là 26.570 hecta. Trong đó: Vụ Đông Xuân 2016/2017 đã triển khai thực hiện và các doanh nghiệp đăng ký được 68 cánh đồng (cùng kỳ 43 lượt) với diện tích 19.861 hecta, tăng 4.415 hecta so với cùng kỳ, gồm 16 doanh nghiệp và 8.141 hộ tham gia; thu hoạch xong diện tích 19.861 hecta, năng suất 58,7 tạ/hecta, sản lượng 117.878 tấn. Vụ Hè Thu triển khai 32 cánh đồng với diện tích 6.709 hecta, giảm 13.152 hecta so với vụ Đông Xuân 2016/2017, gồm 13 doanh nghiệp và 2.809 hộ tham gia; thu hoạch với diện tích 6.709 hecta, năng suất đạt 55 tạ/hecta, sản lượng 36.899 tấn. Nguyên nhân diện tích tham gia cánh đồng lớn vụ Hè Thu giảm do thị trường xuất khẩu gạo gặp khó khăn; doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, một số doanh nghiệp thay đổi phương thức thực hiện cánh đồng lớn; do không có sự thống nhất về giá thu mua của doanh nghiệp nên nông dân chưa tham gia xây dựng cánh đồng lớn⁴. Ngoài ra còn có một số cây trồng có diện tích và sản lượng giảm so với cùng kỳ như mía, đậu phộng, mè. . . nhưng tỷ trọng không lớn (sản lượng mía giảm 17%; đậu phộng giảm 24%; mè giảm 87%,. . .)⁵.

Tình hình tiêu thụ lúa tương đối thuận lợi, giá lúa, nếp đầu vụ đông xuân cao hơn so với lúc thu hoạch rộ và có sự chênh lệch giữa các địa phương (các huyện như Cần Đức, Cần Giuộc thường thấp hơn khoảng 500-600 đồng/kg); Riêng đối với vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao Đồng Tháp Mười có năng suất (lúa tươi) cao hơn 1-2 tấn/hecta so với sản xuất bình thường, nông dân có lãi cao hơn từ 2-3 triệu đồng/hecta. Giá các loại nông sản khác ổn định⁶.

234.241 ha, tăng 1.761 ha so cùng kỳ; Đã thu hoạch xong, diện tích thu hoạch đạt 234.103 ha (tăng 4.682 ha so cùng kỳ); năng suất đạt 56 tạ/ha (giảm 5,4 tạ/ha); Sản lượng đạt 1.309.979 tấn (giảm 96.478 tấn). Lúa hè thu 2017: đã kết thúc gieo sạ, diện tích gieo cấy đạt 224.050 ha, giảm 168 ha so với cùng kỳ; Diện tích thu hoạch đạt 223.882 220.365 ha; Năng suất đạt 47 tạ/ha, sản lượng đạt 1.053.329 tấn. Lúa thu đông 2017: Đã gieo sạ 65.258 ha/KH57.000 ha, đạt 114% so với kế hoạch, bằng 91,6 % so với cùng kỳ năm 2016. Đến nay, diện tích thu hoạch 34.499 ha, năng suất khô đạt 52 tạ/ha, sản lượng 179.218 tấn.

⁴ Công ty Lộc Trời giảm diện tích nhiều so với kế hoạch đăng ký vì công ty đang dự kiến thay đổi phương thức thực hiện cánh đồng lớn nên vụ này chỉ thực hiện một số mô hình mẫu (Công ty chỉ thực hiện 610 ha, giảm 3.881 ha so với vụ Đông Xuân năm 2016-2017 và 3.204 ha so với vụ Hè Thu năm 2016); Công ty Lương thực Long An chỉ thực hiện 200 ha, trong khi kế hoạch đăng ký 12.500 ha (Kế hoạch theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt), nguyên nhân do không ký được hợp đồng với nông dân do nông dân không sản xuất theo đặt hàng của Công ty và một số nông dân khác không thỏa thuận được giá với Công ty và muốn bán cho thương lái bên ngoài; Doanh nghiệp tư nhân Công Bình do thiếu vốn nên cũng đã giảm diện tích.

⁵ Cây thanh long, diện tích trồng là 9.272 ha, tăng 1.551 ha so cùng kỳ; sản lượng thu hoạch đạt 217.927 tấn, tăng 58.553 tấn so với cùng kỳ. Cây chanh, diện tích trồng là 8.373 ha, tăng 6 ha so cùng kỳ; sản lượng thu hoạch đạt 121.043 tấn, tăng 13.286 tấn. Rau các loại, diện tích trồng 13.506 ha, đạt 117,9% KH, bằng 116,5 % so với CK; năng suất 164,1 tạ/ha; sản lượng 221.609 tấn. Cây mía niên vụ 2016/2017, diện tích trồng 9.333 ha, đạt 89,3% so với KH, bằng 87,7% so với CK; diện tích giảm do giá mía không ổn định, người dân chuyển đổi sang lúa, chanh, ổi, . . . năng suất 734,6 tạ/ha, sản lượng 685.587 tấn. Đậu phộng, diện tích trồng 4.000 ha, đạt 60,2% KH, bằng 60,4% so với CK; năm nay diện tích giảm do mưa gây ngập úng cục bộ; năng suất 33,4 tạ/ha; sản lượng 3.361 tấn.

⁶ Giá nếp trung bình từ 4.900 - 5.700 đồng/kg, lúa thường IR50404 có giá từ 4.200 - 5.300 đồng/kg, lúa thơm nhẹ OM 4900, OM 6976, OM 7347, . . . giá từ 5.000 - 5.600 đồng/kg, lúa nàng hoa giá từ 5.600 - 5.700 đồng/kg, lúa VD20 có giá từ 6.400 - 6.500 đồng/kg, lúa RVT giá từ 6.200 - 6.300 đồng/kg; nông dân có lãi từ 13 - 15 triệu đồng/ha/vụ. Giá mía từ 500.000 - 650.000 đồng/tấn, tương đương so với cùng kỳ; lợi nhuận từ 10 - 15 triệu đồng/ha. Giá đậu phộng bán từ 15.000 - 20.000 đồng/kg. Giá mè từ 27.000 - 30.000 đồng/kg; lợi nhuận bình quân 10,5 triệu đồng/ha. Giá bắp bán từ 4.500 - 5.500 đồng/kg. Giá chanh có hạt từ 6.000 - 20.000 đồng/kg; chanh không hạt từ 11.000 - 20.000 đồng/kg, nông dân có lãi từ 70-150 triệu đồng/ha/năm. Giá thanh

Đáng chú ý là một số cây trồng chuyên đổi tiếp tục phát triển, đã góp phần khắc phục sự sụt giảm từ sản xuất lúa, như: thanh long, chanh, mè, rau màu các loại,... có diện tích và sản lượng tăng so với cùng kỳ (sản lượng thanh long tăng 34,9%; chanh tăng 13,0%; rau màu các loại tăng 18,6%; ...).

- Tình hình chăn nuôi gặp khó khăn do giá sản phẩm chăn nuôi không ổn định, duy trì ở mức thấp trong thời gian dài nên đa số người chăn nuôi bị lỗ, nhất là trên đàn heo, giá heo hơi liên tục giảm từ cuối năm 2016 đến nay, duy trì ở mức thấp, chỉ từ 2-3 triệu đồng/ta⁷. Tỉnh đã tổ chức các đoàn công tác làm việc với Công ty cổ phần Việt Nam kỹ nghệ súc sản (Vissan), Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) để xúc tiến thương mại tiêu thụ heo, sữa bò trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng chống dịch bệnh tiếp tục được tập trung thực hiện⁸.

b) Lâm nghiệp:

Diện tích rừng tính đến ngày 31/12/2016 là 24.985,08 hecta, bao gồm: Rừng sản xuất 20.814,73 hecta; rừng đặc dụng 2.094,50 hecta; rừng phòng hộ 2.075,83 hecta, giảm 640,04 hecta so với đầu năm 2016. Nguyên nhân giảm do chuyển sang trồng lúa 97,98 hecta; trồng chanh 117,62 hecta; làm đường giao thông 93 hecta; khai thác chưa trồng lại 331,44 hecta.

Công tác trồng rừng, phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong năm đã thực hiện chăm sóc 5.750 hecta rừng trồng, bảo vệ 24.985 hecta rừng, trồng được trên 4.040.000 cây phân tán các loại⁹. Đối với trồng rừng tập trung toàn tỉnh trồng được 612 hecta, trong đó rừng phòng hộ 22 hecta, rừng sản xuất 590 hecta (trồng mới 10 hecta, trồng lại sau khai thác 580 hecta). Công tác kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng được thường xuyên thực hiện, trong năm chỉ xảy ra 01 vụ cháy rừng thiệt hại không đáng kể (thiệt hại 2,2 hecta tràm).

c) Thủy sản:

Tình hình nuôi thủy sản nước lợ có nhiều thuận lợi hơn do giá tôm thương phẩm cao hơn so với cùng kỳ, đồng thời người dân quan tâm theo dõi tình hình dịch bệnh và chất lượng môi trường nước để chọn thời điểm thả nuôi hợp lý. Công tác quan trắc môi trường nước vùng nuôi tôm tại các huyện vùng hạ được thực hiện tốt, sau mỗi đợt quan trắc đều có thông tin nhanh kết quả đến người dân kịp thời và khuyến cáo giải pháp kỹ thuật cho người nuôi tôm để chủ động

long ruột trắng từ 8.000 – 20.000 đồng/kg; giá thanh long ruột đỏ từ 25.000 - 50.000 đồng/kg; Nông dân có lãi từ 200 – 400 triệu đồng/ha/năm.

⁷ Theo số liệu của Cục Thống kê tại thời điểm 01/10/2017 tổng đàn heo: 224.623 con (giảm 25%); đàn bò: 133.784 con (giảm 6%), trong đó đàn bò sữa 16.049 con (tăng 11%); tổng đàn gia cầm: 7.658.800 con (giảm 6,1%); đàn trâu: 10.616 con (giảm 12% so với cùng kỳ 2016). Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc, gia cầm các loại là 73.594,7 tấn (tăng 0,75%); sản lượng trứng: 243.512.900 quả (tăng 26,5%); sản lượng sữa tươi: 28.564,6 tấn (tăng 58% so với cùng kỳ năm 2016). Tình hình tiêu thụ heo, gà, vịt: Giá heo hơi liên tục giảm và duy trì ở mức thấp từ 2 - 3 triệu đồng/ta; giá gà thả vườn từ 45.000 – 80.000 đồng/kg, giá vịt từ 35.000 – 45.000 đồng/kg.

⁸ Lũy kế từ đầu năm 2017 đến nay, đã tiêm phòng 171.884 liều vắc-xin LMLM trên gia súc; 67.041 liều vắc-xin PRRS trên heo và 5.771.300 liều vắc-xin cúm gia cầm.

⁹ Trong lễ phát động “Trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” năm 2017 nhân kỷ niệm 127 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các địa phương tiến hành trồng 410.650 cây phân tán.

cấp nước vào ao nuôi¹⁰. Tổng diện tích thả nuôi tôm nước lợ toàn tỉnh là 6.416 hecta, đạt 106,4% kế hoạch, bằng 107,1% so với cùng kỳ¹¹; đã thu hoạch là 5.763 hecta, tổng sản lượng thu hoạch là 11.507 tấn, đạt 110,1% kế hoạch, bằng 109,4% so với cùng kỳ¹². Năm 2017 diện tích tôm bị thiệt hại mất trắng là 374,4 hecta (tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 31/10/2017); nguyên nhân chủ yếu do bệnh đốm trắng, đường ruột và hoại tử gan tụy cấp tính.

Nhìn chung, trong năm 2017, đa phần người nuôi thu hoạch tôm đều có lãi. Giá tôm thương phẩm cao hơn năm 2016 từ 10.000-20.000 đồng/kg¹³. Đối với diện tích tôm nuôi thu hoạch đúng tuổi người nuôi tôm có lãi bình quân từ 90 - 150 triệu đồng/hecta. Đối với tôm nuôi phải thu hoạch sớm (do nhiễm bệnh giai đoạn từ 50 đến 60 ngày tuổi), các hộ nuôi tôm chân trắng có lãi từ 15 - 25 triệu đồng/hecta.

Tình hình nuôi thủy sản nước ngọt: toàn tỉnh thả nuôi được 2.754 hecta, đạt 77% kế hoạch, bằng 92,1% so với cùng kỳ và nuôi lồng bè là 15.000 m³, đạt 100% kế hoạch, bằng 121,1% so với cùng kỳ. Đã thu hoạch khoảng 1.732,4 ha và 5.800 m³, sản lượng 34.374 tấn, đạt 101,1% kế hoạch, bằng 101,8% so với cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản khai thác đạt 13.357 tấn, đạt 95,4% kế hoạch, bằng 105,8% so với cùng kỳ, trong đó khai thác nước ngọt 7.573 tấn, khai thác nước mặn 5.784 tấn.

d) Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM):

Chương trình Xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm thực hiện. Toàn tỉnh có 58 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 34,9% tổng số xã toàn tỉnh. Kết quả rà soát của các huyện, thị xã và thành phố theo Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh: số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 13,25 tiêu chí, giảm 2,5 tiêu chí. Có 02 xã đạt 19 tiêu chí; 79 xã đạt từ 14-18 tiêu chí, 68 xã đạt từ 10-13 tiêu chí và 17 xã đạt từ 6-9 tiêu chí (không có xã đạt dưới 6 tiêu chí).

Đối với xã đạt chuẩn NTM năm 2017: có 10 xã đủ điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 01 xã (An Lục Long, huyện Châu Thành) đã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh công nhận; 9 xã còn lại dự kiến sẽ trình UBND tỉnh công nhận trong quý I/2018.

đ) Kinh tế tập thể:

Từ đầu năm đến nay thành lập mới 28 hợp tác xã; trong đó 27 hợp tác xã nông nghiệp và 01 hợp tác xã về môi trường. Trên địa bàn tỉnh hiện có 137 hợp tác xã đang hoạt động ở 5 lĩnh vực: nông nghiệp, vận tải, quỹ tín dụng nhân dân,

¹⁰ Đến nay, đã thực hiện 21/21 đợt quan trắc.

¹¹ Trong đó: Tôm sú: 832,9 ha, tôm thẻ chân trắng: 5.582,8 ha.

¹² Trong đó: Tôm sú: sản lượng 1.150 tấn; tôm thẻ chân trắng: sản lượng 10.357 tấn.

¹³ Hiện nay, giá tôm thương phẩm dao động như sau: Tôm thẻ chân trắng: Cỡ 60 - 70 con/kg, giá từ 120.000 - 130.000 đồng/kg; cỡ 100 - 110 con/kg, giá từ 100.000 - 105.000 đồng/kg. Tôm sú: Cỡ 40 - 50 con/kg, giá từ 220.000 - 230.000 đồng/kg; cỡ 70 - 80 con/kg giá từ 140.000 - 150.000 đồng/kg.

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và 03 liên hiệp hợp tác xã. Hợp tác xã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và tăng năng suất trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên hoạt động của các hợp tác xã hiện còn nhiều khó khăn, hạn chế chủ yếu là do thiếu vốn, khó khăn về giá cả tiêu thụ, năng lực quản lý, điều hành của ban quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

Ngoài ra, toàn tỉnh có 1.747 tổ hợp tác với 31.362 thành viên, gồm 499 tổ hợp tác góp vốn mua phương tiện sản xuất với 4.761 thành viên, số vốn góp là 66,3 tỷ đồng; 278 tổ hợp tác với 3.263 thành viên (theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn); 526 tổ hợp tác sản xuất khác với 8.209 thành viên; còn lại là 796 tổ hợp tác giúp nhau trong đời sống với 17.395 thành viên. Có 29 tổ hợp tác sản xuất và hoạt động dựa trên hợp đồng hợp tác (theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác).

2. Khu vực công nghiệp, xây dựng (khu vực II): tiếp tục phát triển và đạt kết quả cao hơn năm trước.

- Chỉ số phát triển công nghiệp (IPP) năm 2017 tăng 16,2% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 183.331 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch, tăng 16,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 15,1%). Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) đạt là 230.050,6 tỷ đồng, tăng 17,5%.

Trong năm có 71/75 nhóm sản phẩm tăng trưởng cao hơn so cùng kỳ, trong đó: 27 nhóm sản phẩm tăng trên 20% như thức ăn cho gia súc, bia đóng lon, sợi tơ nhân tạo, ván ép từ gỗ và vật liệu tương tự... 04 nhóm sản phẩm có tăng trưởng giảm, chủ yếu là bia đóng chai, nước khoáng không gas, thuốc lá đầu lọc.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện toàn tỉnh đạt 99,81% (kế hoạch 99,7%), trong đó tỷ lệ hộ sử dụng điện nông thôn là 99,76%.

3. Khu vực thương mại dịch vụ (khu vực III):

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 66.130 tỷ đồng, đạt 98,2% kế hoạch, tăng 16,2% so với cùng kỳ.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng: ước xuất khẩu cả năm 2017 đạt khoảng 4,4 tỷ USD (chưa bao gồm xuất khẩu nông sản theo đường tiểu ngạch); kim ngạch nhập khẩu là 3,7 tỷ USD.

- Trong tháng 12/2017, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,06% so với tháng trước và tăng 1,84% so với tháng 12 năm trước. Bình quân năm 2017 tăng 4,66% so với năm 2016.

- Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả tạo được chuyển biến tích cực, tập trung kiểm tra hội chợ triển lãm, bán hàng đa cấp, thuốc cấm trong thức ăn chăn nuôi, an toàn thực phẩm, phân bón... Tổng số vụ kiểm tra là 20.247 vụ; phát hiện và xử lý 4.020 vụ vi phạm, thu nộp ngân

sách 252.777 triệu đồng; tịch thu 2.639.330 gói thuốc lá ngoại nhập lậu, tạm giữ phương tiện vận chuyển gồm 1.029 xe gắn máy 2 bánh và 155 xe ô tô.

4. Đầu tư phát triển: tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 26.200,1 tỷ đồng, tăng 7,77% so cùng kỳ năm trước và chiếm 28,57% GRDP.

a) Đầu tư xây dựng cơ bản¹⁴:

- Tổng vốn xây dựng cơ bản là 2.413 tỷ đồng. Trong đó:

+ Vốn tỉnh quản lý là 1.741,7 tỷ đồng. Giá trị khối lượng thực hiện 12 tháng khoảng 2.035 tỷ đồng, đạt 116,8% kế hoạch, bằng 132% so với cùng kỳ; giá trị giải ngân khoảng 1.600,9 tỷ đồng, đạt 91,9% kế hoạch, bằng 101% so với cùng kỳ, ước khối lượng thực hiện cả năm đạt 134,6% và giải ngân đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn huyện quản lý là 572,2 tỷ đồng; giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân khoảng 518,2 tỷ đồng, đạt 90,6% kế hoạch, bằng 153% về giá trị khối lượng và 141% giá trị giải ngân so với cùng kỳ, ước khối lượng thực hiện và giải ngân đến hết năm 2017 đạt 100% kế hoạch.

Ngoài ra, tỉnh đã giao kế hoạch vốn năm 2017 các nguồn như:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn làm lương 100 tỷ đồng: khối lượng thực hiện và giải ngân đạt 98,7 tỷ đồng đạt 98,7% kế hoạch. Nguồn vốn vượt thu xổ số kiến thiết: 107,6 tỷ đồng, khối lượng thực hiện và giải ngân đạt 104,3 tỷ đồng đạt 96,9% kế hoạch. Vốn vượt thu tiền sử dụng đất các năm trước: 32 tỷ đồng, giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân khoảng 31,7 tỷ đồng đạt 99,2% kế hoạch. Vốn tạm mượn nguồn tồn quỹ ngân sách năm 2017 là 137,1 tỷ đồng, khối lượng thực hiện và giải ngân 96,0 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch. Ước khối lượng thực hiện và giải ngân đến hết năm 2017 của các nguồn vốn trên đạt 100% kế hoạch.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phân bổ kế hoạch vốn năm 2017 cho tỉnh là 152,1 tỷ đồng. Trong đó, Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (tỉnh quản lý) là 18,7 tỷ đồng (vốn năm 2017 là 18,6 tỷ đồng và vốn năm 2016 bổ sung 100 triệu đồng); giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân khoảng 14,2 tỷ đồng, đạt 75,9% kế hoạch. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (huyện quản lý) là 133,4 tỷ đồng; giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân khoảng 110,8 tỷ đồng, đạt 83,1% kế hoạch. Ước khối lượng thực hiện và giải ngân đến hết năm 2017 đạt 100% kế hoạch.

- Vốn Trung ương hỗ trợ để khen thưởng các xã đạt nông thôn mới là 14

⁽¹⁴⁾ Theo Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch Đầu tư công trung hạn và hằng năm thì số liệu giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2016 hết ngày 31/01/2017. Phần vốn tỉnh quản lý: Giá trị giải ngân đến ngày 28/12/2016 khoảng 1.839 tỷ đồng, đạt 85,7% KH, bằng 109% so cùng kỳ. Phần vốn phân bổ cho huyện quản lý: Giá trị giải ngân đến ngày 28/12/2016 khoảng 371,8 tỷ đồng, đạt 94,6% KH, bằng 125% so cùng kỳ.

tỷ đồng. Hiện Trung ương chưa chuyển tiền về nên 12 tháng chưa giải ngân được.

- Vốn trái phiếu Chính phủ năm 2017 là 390,7 tỷ đồng (gồm: Khen thưởng nông thôn mới 34 tỷ đồng; giao thông 300 tỷ đồng; giáo dục 56,7 tỷ đồng); giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân khoảng 288,0 tỷ đồng, đạt 73,7% kế hoạch. Ước hết năm 2017 giải ngân khoảng 335,5 tỷ đồng, đạt 85,9% kế hoạch.

Vốn trái phiếu Chính phủ giải ngân thấp do được phân bổ trễ, chỉ có khả năng giải ngân cho công tác chuẩn bị đầu tư.

b) Thu hút đầu tư:

- Đầu tư trong nước: thành lập mới 1.401 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký 22.686 tỷ đồng (trong đó có 213 doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp với vốn đăng ký 8.755 tỷ đồng và 31 doanh nghiệp nằm trong cụm công nghiệp với số vốn đăng ký 241 tỷ đồng), tăng 16,4% số doanh nghiệp và tăng 47,8% số vốn đăng ký so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp giải thể: 208 doanh nghiệp (tăng 18% so với cùng kỳ) và 275 đơn vị trực thuộc (giảm 8% so với cùng kỳ); số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh: 147 doanh nghiệp (tăng 227% so với cùng kỳ) và 33 đơn vị trực thuộc (tăng 76% so với cùng kỳ). Đến nay trên địa bàn tỉnh có 9.614 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 233.266 tỷ đồng.

Trong năm có 209 dự án trong nước được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư là 19.714 tỷ đồng; 27 dự án tăng vốn 3.539 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm 23.253 tỷ đồng. So với cùng kỳ: giảm 54 dự án và giảm 6.300 tỷ đồng. Lũy kế đến nay tổng số dự án đầu tư trong nước đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư là 1.445 dự án, tổng số vốn đăng ký 165.675 tỷ đồng.

- Đầu tư nước ngoài: cấp mới 101 dự án với tổng số vốn đăng ký 241,7 triệu USD; 75 dự án tăng vốn 198,1 triệu USD. Tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 439,8 triệu USD; giảm 19 dự án và giảm 182 triệu USD vốn đăng ký so với cùng kỳ. Lũy kế, tổng số dự án FDI đăng ký trên địa bàn tỉnh đến nay là 891 dự án với tổng số vốn 5.654 triệu USD. Hiện có 545 dự án đi vào hoạt động, chiếm 61,1% tổng số dự án đăng ký, tổng vốn thực hiện khoảng 3.572 triệu USD, đạt 63,1% so với tổng vốn đăng ký.

- Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại: triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ. Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại được tổ chức đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm. Tại nước ngoài: tỉnh tổ chức đoàn công tác đến thăm, làm việc tại Hoa Kỳ; (8-17/7/2017); tổ chức buổi họp mặt, đối thoại với doanh nghiệp Đài Loan (tổ chức ngày 06/7/2017). Trong nước: tổ chức Chương trình Khởi sự doanh nghiệp năm 2017

(tổ chức ngày 05/7/2017); tổ chức Ngày hội doanh nhân Việt Nam (ngày 10/10/2017); hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp Nhật Bản và Hàn Quốc; tiếp Đoàn công tác của thành phố Bách Sắc (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) và Đoàn của tỉnh Cao Bằng nhằm kết nối giao thương, tiêu thụ sản phẩm với tỉnh Long An; xúc tiến tiêu thụ nông sản làm việc với Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - SaiGon Co.op và Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - Satra tại Thành phố Hồ Chí Minh; tham dự hội nghị với đối tác Đức, Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh; tham gia Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm của tỉnh... Hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia Chợ phiên nông sản an toàn được tổ chức vào ngày Thứ Bảy hàng tuần (01 phiên) và Hội chợ triển lãm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân dịp nước ta tổ chức các hoạt động APEC, tỉnh đã thực hiện chuyên đề giới thiệu về tỉnh Long An trên Tạp chí Doanh nhân – VCCI và các báo, tạp chí khác như: Tạp chí Thái Bình Dương, Tạp chí Đối ngoại...

- Về rà soát, thu hồi dự án: rà soát và thu hồi 23 dự án đầu tư nước ngoài với vốn 102,7 triệu USD và 24 dự án trong nước với diện tích 167 hecta.

c) Tình hình phát triển khu, cụm công nghiệp:

- Tổng diện tích đất đã cho thuê trong năm là 281,8 hecta, đạt 80,5% kế hoạch. Trong đó khu công nghiệp: 242,9 hecta, cụm công nghiệp: 38,9 hecta.

- Hiện có 16 khu công nghiệp đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy khoảng 71,3%; 12 khu công nghiệp còn lại đang trong giai đoạn lập thủ tục thành lập, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Đối với cụm công nghiệp, đến nay, toàn tỉnh có 17 cụm công nghiệp đang hoạt động (bao gồm cả 03 dự án chỉnh trang hạ tầng cụm công nghiệp là cụm công nghiệp Đức Hòa Hạ, cụm công nghiệp Đức Hòa Đông và cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Lộc Giang), với tổng diện tích 877,5 hecta, thu hút 512 dự án, thuê lại 555,9 hecta trong tổng số 658,9 hecta đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy 85,6%.

5. Tài chính - Tín dụng:

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 12.265 tỷ đồng, đạt 108% dự toán Trung ương và 107,5% dự toán tỉnh giao, bằng 119,9% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 10.229 tỷ đồng, đạt 108,2% dự toán, bằng 121,8% so với cùng kỳ (Xổ số kiến thiết là 1.200 tỷ đồng, đạt 107,2% dự toán, bằng 114,3% so với cùng kỳ); thu thuế xuất nhập khẩu 2.035 tỷ đồng, đạt 106,9% dự toán, bằng 111,5% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương là 10.139 tỷ đồng, đạt 105,2% dự toán Trung ương và 106% tỉnh giao, bằng 131,9% so với cùng kỳ, trong đó chi đầu tư phát triển 3.072 tỷ đồng, bằng 280% so cùng kỳ; chi thường xuyên 6.831 tỷ đồng, đạt 99,6% so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao bằng 107,3% cùng kỳ.

b) Tổng nguồn vốn hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến

cuối tháng 12 ước đạt 87.750 tỷ đồng, tăng 25,9% so với đầu năm. Nguồn vốn huy động đạt 53.181 tỷ đồng, chiếm 60,6% tổng nguồn vốn, tăng 22% so với đầu năm. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 52.472 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu bình quân chung là 1,21% trên tổng dư nợ cho vay, giảm 0,5% so với đầu năm, và thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (cả nước tỷ lệ nợ xấu gần 3% dư nợ).

III. Lĩnh vực văn hóa xã hội:

1. Giáo dục và Đào tạo:

Quy mô trường lớp tiếp tục được củng cố, phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh các cấp học, ngành học. Toàn tỉnh hiện có 659 đơn vị trường học từ mầm non đến phổ thông, tăng 05 đơn vị so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt tỷ lệ 99,8%, huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, học sinh được công nhận hoàn thành hết cấp tiểu học tuyển vào lớp 6 đạt 100%. Công tác chuẩn bị cho kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017 được thực hiện nghiêm túc, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2017 là 99,15% (cao hơn cùng kỳ là 9,02%). Tuyển sinh vào lớp 10 công lập là 95,3%. Có 15/15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, xóa mù chữ mức độ 1; số trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới là 236/659 trường, đạt 35,8%.

Tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2018-2020; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Đề án giải quyết vấn đề trường lớp học cho con em công nhân vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Long An giai đoạn 2018-2020; triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ tư thục ở khu vực khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2015-2020”. Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực; mở rộng thực hiện các lớp 2 buổi/ngày, lớp bán trú; toàn tỉnh có 16 trung tâm và hơn 200 cơ sở ngoại ngữ, tin học được cấp phép hoạt động.

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” trên địa bàn tỉnh; triển khai đại trà các mô hình học tập ở địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cán bộ quản lý trường phổ thông giai đoạn 2012-2015 và đến năm 2020; triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình 1 về phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020; thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ về lương và các khoản phụ cấp cho đội ngũ nhà giáo.

2. Y tế:

Trong năm 2017 không có dịch lớn xảy ra, không ghi nhận trường hợp mắc cúm A H1N1/H5N1; một số bệnh giảm so với cùng kỳ năm 2016 như: sởi, liên cầu lợn, sốt rét; các bệnh khác có số ca mắc không đáng kể. Tuy nhiên, một số bệnh tăng so với cùng kỳ năm 2016 như: Zika, sốt xuất huyết, thủy đậu, quai

bị, tay chân miệng... trong đó, số ca mắc bệnh sốt xuất huyết tăng so với số ca mắc trung bình 5 năm 2011-2015.

Công tác kiểm tra chuyên ngành và liên ngành về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, xử lý kịp thời, đúng quy định các vi phạm. Tình hình ngộ độc thực phẩm tăng số vụ và giảm số ca mắc so với cùng kỳ. Tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp và đề án nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; triển khai đề án trạm y tế trong tình hình mới, đề án dịch vụ Bệnh viện đa khoa Long An, đề án bác sĩ gia đình, đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi,...

Các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ngày càng hiệu quả. Tỷ số giới tính khi sinh là 109,2 trẻ sinh nam/100 trẻ sinh nữ; 6,6 bác sĩ/vạn dân; 0,5 dược sĩ đại học/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ 100%; thực hiện tốt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đã công nhận 127/192 xã, phường, thị trấn.

3. Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Tổ chức các ngày lễ kỷ niệm lớn của tỉnh như: Lễ kỷ niệm 50 năm diễn ra sự kiện 45 ngày đêm đánh Mỹ; tổ chức Lễ khánh thành Khu di tích lịch sử Căn cứ Xứ ủy và Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ (1946-1949); tổ chức Lễ khánh thành Khu di tích lịch sử Cách mạng tỉnh Long An; tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày tỉnh Long An được phong tặng danh hiệu “Trung dũng kiên cường, toàn dân đánh giặc”; Lễ dâng hương kỷ niệm 110 ngày sinh đồng chí Hồ Văn Long (1907-2017); tổ chức Triển lãm ảnh “Ký sự ngoại giao nhiệm kỳ Chủ tịch nước Trương Tấn Sang”. Công tác quản lý, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt; hoạt động trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát triển các di tích văn hóa, lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Trong năm đã tổ chức phúc tra và quyết định công nhận 8 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa; nâng tổng số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa lên 111/192, chiếm tỷ lệ 57,8%; tuyên dương 97 gia đình văn hóa tiêu biểu xuất sắc tỉnh Long An lần thứ I năm 2017.

Về hoạt động thể thao, tỉnh đã tổ chức nhiều giải thể thao như Giải Vô địch quốc gia Toyota, Giải Võ cổ truyền trẻ, Giải Việt dã, Giải Cờ vua trẻ và Giải Bóng chuyền vô địch tỉnh năm 2017. Đồng tổ chức các hoạt động phong trào như Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Đại hội thể dục thể thao tỉnh Long An lần thứ VIII năm 2017-2018.

Về du lịch, tỉnh tổ chức Tọa đàm “Liên kết phát triển du lịch vùng Đồng Tháp Mười giữa ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp”; tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu thông tin du lịch, văn hóa, lễ hội, ẩm thực của tỉnh. Đến cuối năm 2017 đạt 1.060.000 lượt khách, đạt 95% so với kế hoạch, tăng 16% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế đạt 15.000 lượt, đạt 94% so với kế hoạch, tăng 25% so với cùng kỳ; doanh thu ước đạt 485 tỷ đồng, đạt 95% so với kế hoạch, tăng 18% so với cùng kỳ.

4. Lao động - Thương binh và Xã hội:

Tuyển sinh đào tạo 21.450 lao động, đạt 102,9% kế hoạch; giải quyết việc

làm cho 32.850 lao động, đạt 109,5% kế hoạch; giải quyết bảo hiểm thất nghiệp cho 20.528 người, số tiền chi trợ cấp thất nghiệp là 248,6 tỷ đồng góp phần giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống và giúp người lao động tìm việc làm mới; xây dựng kế hoạch phát triển thị trường lao động giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện tốt công tác chính sách như tổ chức đoàn đi thăm Thương binh nặng đang điều dưỡng với tổng kinh phí 66 tỷ đồng; tổ chức Lễ phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 454 mẹ; vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa 9,3 tỷ đồng. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2017, toàn tỉnh có 14.198 hộ nghèo, tỷ lệ 3,57%, 15.006 hộ cận nghèo, tỷ lệ 3,78%. Trong năm đã cấp 78.738 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí 51,4 tỷ đồng và 28.139 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo với kinh phí 18,3 tỷ đồng; tổ chức thăm và tặng quà cho 4.500 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Về công tác chăm sóc trẻ em, tỉnh đã tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh năm 2017; tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh, hỗ trợ phẫu thuật tim, lắp đặt máy trợ thính cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Công tác xã hội khác: cơ sở cai nghiện ma túy Long An tiếp nhận mới 272 học viên, lũy kế có 412 học viên, giải quyết cho 64 học viên về tái hòa nhập cộng đồng.

IV. Khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường:

Phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Long An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; ban hành Quyết định về việc quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An; xây dựng Đề án xã hội hoá Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học vùng Đồng Tháp Mười tại tỉnh Long An. Triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, khoa học và công nghệ cấp nhà nước trên địa bàn tỉnh như “Ứng dụng công nghệ sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh từ bùn đáy ao nuôi thủy sản và rơm rạ cho các loại cây trồng chính của tỉnh Long An”; “Ứng dụng công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học từ hèm rượu, cám gạo, phân trùn quế phục vụ nông nghiệp tại tỉnh Long An”; “Khai thác và phát triển nguồn gen giống lúa Nàng thơm Chợ Đào tại Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An”.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Long An; ban hành danh mục các dự án cần thu hồi đất và tổng mức ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Giám sát chặt chẽ các địa điểm ô nhiễm¹⁵; kiểm tra thường xuyên hoạt động khai thác khoáng sản đất san lấp và sét làm gạch ngói trên địa bàn tỉnh¹⁶. Tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 28/6/2017 về việc tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh tình hình chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng trái phép trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt tỉnh cơ bản giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nhất là mùa khô, cho các xã

¹⁵ Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Khu công nghiệp Xuyên Á, Nhà máy xử lý rác Tâm Sinh Nghĩa.

¹⁶ Trong đó, đặc biệt chú trọng đến các địa bàn Bến Lức, Đức Hòa, Đức Huệ, Thạnh Hóa, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng và thị xã Kiến Tường.

vùng hạ huyện Cần Đước, Cần Giuộc¹⁷ (kéo dài nhiều năm).

VI. Công tác quốc phòng, an ninh, nội chính và đối ngoại:

a) Tình hình an ninh chính trị ổn định; triển khai thực hiện tốt công tác quốc phòng an ninh năm 2017; xây dựng lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ theo quy định; công tác giao quân năm 2017 đạt 100% chỉ tiêu chính phủ giao, toàn tỉnh đạt chỉ tiêu 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kiến thức quốc phòng năm 2017 cho các đối tượng.

Lực lượng tuần tra phòng chống tội phạm tổ chức tuần tra 17.639 lượt, phát hiện bắt giữ 306 vụ với 207 đối tượng phạm tội quả tang; giải tán 1.381 nhóm với 7.680 đối tượng tụ tập đêm khuya; giải tán 56 nhóm 1.810 đối tượng tụ tập đua xe trái phép. Công tác tuần tra kiểm soát an toàn giao thông được tăng cường, phát hiện 42.891 trường hợp vi phạm, phạt 53,063 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe 3.774 trường hợp (trong đó, đường thủy nội địa phát hiện xử lý 2.791 trường hợp vi phạm, phạt 6,087 tỷ đồng). Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 229 vụ (giảm 12,26% so cùng kỳ), chết 122 người (giảm 2,4%), bị thương 189 người (giảm 18,5%), thiệt hại tài sản 1,47 tỷ đồng.

b) Triển khai 98 cuộc thanh tra hành chính, phát hiện sai phạm số tiền 7.930,366 triệu đồng, đã thu hồi 6.272,499 triệu đồng, đạt tỷ lệ 79,1%; triển khai 2.457 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 16.804 cơ sở (2.411 cá nhân, 14.393 tổ chức), ban hành 1.939 quyết định xử phạt với số tiền vi phạm 13.194,48 triệu đồng, đã thu hồi, 12.277,701 triệu đồng, đạt tỷ lệ 93,05%.

Tiếp công dân 7.538 lượt với 7.769 người, nội dung phản ánh, khiếu nại đa số thuộc lĩnh vực giải tòa, đền bù, tranh chấp đất đai và khiếu nại quyết định hành chính của UBND các cấp. Tiếp nhận và xử lý 534 /585 đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 91,3%.

VII. Cải cách hành chính:

Công tác CCHC tiếp tục được triển khai đồng bộ, toàn diện trên các nội dung về cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước. Kết quả:

¹⁷ (1) Dự án cấp nước cho 02 huyện Cần Đước, Cần Giuộc: đã thỏa thuận xong giá nước bán sỉ với Sawaco, giai đoạn 1 đã thi công được 200/3.500m tuyến ống cấp nước. (2) Dự án cấp nước cho 02 xã Long Hậu, Phước Lại và một phần xã Phước Vĩnh Tây: hoàn thành 1.200m tuyến ống cấp nước cho khu dân cư Lộc Thành, đang triển khai giai đoạn 1 thi công được 2.400/3.500m tuyến ống cấp nước từ cầu Rạch Dơi đến cầu Rạch Dừa. (3) Dự án cấp nước cho 05 xã vùng hạ Cần Giuộc: giai đoạn 1 đã hoàn thành hiện kết nối cho 10 đại lý, cấp nước trên 1.400 hộ dân; giai đoạn 2 chưa thi công. (4) Dự án cấp nước cho 04 xã vùng hạ huyện Cần Đước: hiện đã cấp nước cho gần 500 hộ dân 2 xã Mỹ Lệ, Tân Lâm và 01 phần thị trấn Cần Đước. (5) Đường ống cấp nước ấp Vĩnh Thạnh xã Phước Vĩnh Đông: công tác đầu tư xây dựng tuyến ống chính và trạm bơm tăng áp đã hoàn thành. (6) Các công trình cấp nước kế hoạch 2017 đầu tư cho vùng Cần Đước, Cần Giuộc: 03 công trình đang lập kế hoạch đấu thầu và 01 công trình đang hoàn thiện báo cáo kinh tế-kỹ thuật.

- Tổ chức thực hiện hoàn thành 43/44 nhiệm vụ, (01 nhiệm vụ đưa ra khỏi chương trình¹⁸); thành lập 02 Đoàn kiểm tra công tác CCHC, đạt 100% theo kế hoạch.

- Rà soát cắt giảm thời gian giải quyết 157 TTHC với tổng thời gian rút ngắn là 1.052 ngày so với quy định tại các văn bản QPPL. Đồng thời, rà soát kiến nghị các bộ, ngành đơn giản hóa 12 TTHC với tổng chi phí tiết kiệm là 396 triệu đồng/năm nếu các phương án được thực thi, đạt tỷ lệ 29,59%. Phê duyệt 100% danh mục vị trí việc làm và cơ cấu công chức của 19 sở, ngành tỉnh, 15 UBND cấp huyện theo danh mục vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ phê duyệt. Toàn tỉnh có 100% cơ quan hành chính và các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện cơ chế một cửa, bao gồm: cấp tỉnh có 11/19 sở, ngành tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công; cấp huyện có 12/15 UBND cấp huyện và 03 Trung tâm hành chính công; cấp xã có 192/192 UBND cấp xã. Ngoài ra, có 05/05 cơ quan ngành dọc tổ chức thực hiện cơ chế một cửa gồm: Hải quan Long An, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh. Đối với những sở, ngành có TTHC đưa vào tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thì không duy trì hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại sở, ngành.

- Chất lượng đội ngũ CBCCVC tiếp tục được nâng cao, đội ngũ công chức được tinh giảm theo lộ trình chung của cả nước. Tổng số biên chế công chức của tỉnh cuối năm 2017 là 2.475 biên chế (chỉ tiêu năm 2017 2.555 biên chế), trong đó cấp tỉnh là 1.169 biên chế, cấp huyện là 1.306 biên chế; biên chế viên chức hiện có của tỉnh là 27.913 biên chế (chỉ tiêu năm 2017 là 28.630 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và 377 người đối với tổ chức hội có tính chất đặc thù), trong đó đối với đơn vị chưa giao quyền tự chủ là 26.687 người, đơn vị giao quyền tự chủ là 1.226 người. Cán bộ đạt chuẩn là 1.592/1.952 người, đạt tỷ lệ 81,56%; công chức đạt chuẩn là 1.927/1.944, đạt tỷ lệ 99,13%. Số cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn chủ yếu là những người làm việc trong các hội đặc thù của địa phương (Hội Cựu chiến binh) và Mặt trận Tổ quốc của xã, lớn tuổi.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được:

Năm 2017 có 22/26 chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội đạt và vượt kế hoạch. Đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao và lần đầu tiên sau nhiều năm

¹⁸ Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về CCHC do chuyển giao cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ Sở Nội vụ về Văn phòng UBND tỉnh từ tháng 10/2017 và chờ Chính phủ Nghị định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông nên Văn phòng UBND tỉnh chưa tổ chức tập huấn trong năm 2017.

vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu không đạt (sản lượng lương thực; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tổng vốn đầu tư xã hội/GRDP và tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa) chủ yếu là do nguyên nhân khách quan¹⁹.

- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được tập trung chỉ đạo, có sự chuyển biến tích cực về cơ cấu và hiệu quả. Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được tổ chức thực hiện có kết quả, nhất là trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng ngày cao của nông dân. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi được kiểm soát, không xảy ra dịch trên diện rộng. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiệt hại được hạn chế đến mức thấp nhất.

- Công nghiệp, xây dựng, thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển. Các chỉ số về sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng khá so với cùng kỳ; nhiều ngành công nghiệp chủ lực phát triển ổn định, sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng cao so với mức tăng cùng kỳ; thị trường tiêu thụ nội tỉnh ổn định.

- Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, kết nối cung cầu với các doanh nghiệp, địa phương trong nước và nước ngoài có chuyển biến rõ rệt; các ngành, UBND các cấp tập trung thực hiện, nâng cao các chỉ số cải thiện năng lực cạnh tranh gắn với cải cách hành chính. Trung tâm hành chính công ngày càng hoạt động hiệu quả.

- Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư có nhiều tiến bộ. Công tác rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai được thực hiện quyết liệt; đã hoàn thành công tác rà soát lập quy hoạch các khu, cụm công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo thực hiện ngay từ đầu năm, khối lượng thực hiện và giải ngân đạt khá; các công trình trọng điểm và chương trình đột phá của tỉnh được quan tâm chỉ đạo. Các điểm đen, điểm nóng về ô nhiễm môi trường được giám sát chặt chẽ.

- Công tác quản lý điều hành ngân sách được tập trung chỉ đạo, tiến độ thu đạt khá, chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm. Hoạt động các tổ chức tín dụng trên địa bàn ổn định, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát. Các hoạt động văn hóa, xã hội được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực.

- Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, kiểm soát thị trường được thực hiện thường xuyên, xử lý nhiều vụ việc vi phạm.

¹⁹ Nguyên nhân không đạt kế hoạch: (1) sản lượng lương thực (đạt 94,2% kế hoạch; 2,64/2,8 triệu tấn): Tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn như thời tiết chuyển biến bất thường, mưa trái mùa, lũ sớm, dịch bệnh trên đồng ruộng diễn biến phức tạp. (2) tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: Cụm công nghiệp Hoàng Gia đang xây dựng hệ thống xử lý, dự kiến sang năm 2018 sẽ hoàn thành. (3) tổng vốn đầu tư xã hội/GRDP (năm 2017 đạt khoảng 26.200,1 tỷ đồng, chiếm khoảng 28,57%): do nguồn vốn ngân sách nhà nước tăng thấp và giảm, ưu tiên trả nợ đọng xây dựng cơ bản; (4) tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa: do nâng cao chất lượng các tiêu chí so với trước đây.

- Việc tổ chức, thực hiện liên kết phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là liên kết tiêu thụ nông sản và phát triển hạ tầng giao thông.

2. Mặt tồn tại, hạn chế:

- Tiến độ thực hiện 02 chương trình đột phá và 03 công trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh có mặt còn chậm, chưa đạt yêu cầu.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn hạn chế so với yêu cầu. Việc xây dựng cánh đồng lớn còn gặp nhiều khó khăn; liên kết tiêu thụ nông sản được tập trung chỉ đạo nhưng kết quả đạt được chưa cao.

- Thu hút đầu tư sụt giảm so với năm trước và hạn chế so tình hình chung của cả nước; tỷ lệ lấp đầy khu cụm công nghiệp thấp hơn kế hoạch; số dự án đã tiếp nhận chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ.

- Công tác lập, thực hiện các loại hình quy hoạch chưa đồng bộ; các loại hình quy hoạch ngành, lĩnh vực chưa gắn với quy hoạch sử dụng đất, hầu hết các dự án đầu tư có diện tích sử dụng đất lớn đều phải chờ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Công tác quản lý đất đai, xây dựng, trật tự đô thị có tập trung thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao.

- Một số nhiệm vụ lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa đạt hiệu quả cao như chất lượng giáo dục toàn diện còn hạn chế, thiếu mô hình giáo dục hiệu quả; tình trạng bệnh viện tuyến tỉnh quá tải vẫn còn, hiệu quả hoạt động của các cơ sở y tế vùng sâu, vùng xa chưa cao; đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; đào tạo nghề nông thôn, xuất khẩu lao động còn hạn chế; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu.

- Trật tự an toàn xã hội có mặt chưa đảm bảo; số vụ tai nạn giao thông còn ở mức cao; buôn lậu qua biên giới có lúc chưa được ngăn chặn, kiểm soát tốt.

3. Nguyên nhân:

Về chủ quan, có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trên, chủ yếu là do tinh thần, thái độ phục vụ, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn hạn chế; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, hành động chưa quyết liệt và còn lúng túng nên một số vụ việc giải quyết chậm, kéo dài, chất lượng chưa đạt yêu cầu; trong thực hiện nhiệm vụ thiếu sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa ngành với ngành, giữa ngành với địa phương để giải quyết, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

I. Bối cảnh trong nước và quốc tế:

Tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực của năm 2017 nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại và du lịch. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế và thương mại của thế giới dự báo cao hơn trong năm 2017, tạo tiền đề thuận lợi hơn cho phát triển

kinh tế và xuất khẩu. Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư tư nhân, giúp thúc đẩy sản xuất và thương mại trong nước. Những nỗ lực từ phía Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng được thực hiện triệt để và quyết liệt trong năm 2017 sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018. Bên cạnh đó, khu vực nông lâm thủy sản có triển vọng phát triển hơn khi giá lương thực toàn cầu tăng và những hoạt động cải cách, tái cơ cấu nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến nghiêm trọng, khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn hẹp. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn rất nặng nề.

Trong tỉnh, cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tiếp tục được tăng cường; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp bắt đầu phát huy hiệu quả; một số dự án lớn dự kiến đi vào hoạt động sẽ góp phần tăng tỷ trọng cơ cấu ngành công nghiệp và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng; sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh là tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như: năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu; sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu; giá cả đầu vào và đầu ra của ngành nông nghiệp khó lường; tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn vẫn còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu và chưa đồng bộ; dịch vụ chưa phát triển; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định về trật tự xã hội; tình hình tai nạn giao thông, tội phạm còn diễn biến phức tạp.

Bối cảnh quốc tế và trong nước cho thấy, trong năm 2018, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội phát triển, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động sáng tạo, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục triển khai, tạo sự chuyên biến rõ nét trong thực hiện 02 chương trình đột phá, 03 công trình trọng điểm; cơ cấu lại nền kinh tế; huy động nguồn lực xã hội; tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp nhằm đảm bảo, thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các ngành, UBND các cấp. Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển văn hóa theo đúng định hướng. Đảm bảo an sinh xã hội. Bảo vệ môi trường; đối phó, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, triệt để tiết kiệm. Đảm bảo ổn định quốc phòng, an ninh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt khoảng 9,4%, trong đó ngành nông lâm thủy sản tăng 1,5%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 14,65%; ngành thương mại, dịch vụ tăng 7,1%.
- Sản lượng lương thực khoảng 2,7 triệu tấn, trong đó lúa chất lượng cao khoảng 1,3 triệu tấn.

- GRDP bình quân đầu người: 68 triệu đồng/người/năm.

b) Các chỉ tiêu xã hội:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 08 xã.
- Có 62% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa.
- Giải quyết việc làm cho trên 30.000 lao động.
- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 82,5%²⁰.
- Tỷ lệ xã có bác sĩ 100% và đạt tỷ lệ 07 bác sĩ/vạn dân.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,82%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: <0,7%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới: 40%.
- Tỷ lệ học sinh đi học tiểu học đúng độ tuổi: 99,9%.
- Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương đạt 79%.
- Có 70% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

²⁰ Theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn giai đoạn 2016-2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,3% theo tiêu chí mới.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) <9%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 48%.

c) Chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 96,4%, trong đó nước sạch đạt 28%.
- Tỷ lệ thu gom rác sinh hoạt ở khu vực đô thị, thị trấn, thị tứ đạt 97%.
- Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100% theo quy định; 100% bệnh viện tuyến tỉnh, huyện có hệ thống xử lý nước thải.

d) Một số cân đối lớn:

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 31.100 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 30-31% GRDP, trong đó vốn khu vực nhà nước khoảng 7.300 tỷ đồng, vốn đầu tư của các thành phần dân cư và doanh nghiệp trong nước (khu vực ngoài nhà nước) khoảng 17.700 tỷ đồng, vốn đầu tư của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 5.900 tỷ đồng và các nguồn vốn khác.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018 đạt khoảng 12.855 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương 11.890,9 tỷ đồng.

III. Định hướng phát triển ngành, lĩnh vực

1. Lĩnh vực kinh tế

a) Về quy hoạch, kế hoạch:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh ban hành; đồng thời, triển khai thực hiện tốt công tác rà soát, điều chỉnh bổ sung hoặc lập mới các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; phát triển kinh tế - xã hội phải theo quy hoạch, kế hoạch đề ra.

Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả 04 lĩnh vực tái cơ cấu chính là nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp, đầu tư công và cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Nâng cao khả năng dự đoán, dự báo tình hình kinh tế - xã hội, nắm và phân tích xử lý thông tin một cách chính xác, kịp thời trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, quy hoạch.

b) Phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Chủ động theo dõi, thông tin kịp thời về thời tiết, khí hậu, thủy văn; chủ động ứng phó kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra để giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra, nhất là tình hình hạn hán, lũ lụt trong năm 2018. Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục nhân rộng việc xây dựng các “cánh đồng lớn”, thường xuyên tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp đang thực hiện cánh đồng lớn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Chú trọng công tác thông tin cho người dân về tình hình cung cầu, giá cả thị trường để người dân, doanh nghiệp chủ động cân đối kế hoạch hợp lý; đồng thời chủ động mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh tập trung phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Củng cố, hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm nông nghiệp gắn với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất để kêu gọi, triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục tập trung các dự án cấp nước tại các xã vùng hạ huyện Cần Đức, Cần Giuộc.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch Đề án chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được UBND tỉnh ban hành, trong đó cần tập trung nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao; nghiên cứu, chọn tạo và tổ chức sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm cao,... nhằm tạo bước đột phá trong việc tăng năng suất, chất lượng hàng hóa nông sản.

Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là việc sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi; đẩy mạnh tuyên truyền để người dân an tâm sử dụng thực phẩm sạch; tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi. Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm tiêu chuẩn về sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vật tư nông nghiệp, thức ăn gia súc. Chủ động, nhanh chóng đảm bảo các điều kiện cần thiết để gia nhập và khắc phục những ảnh hưởng sau khi Việt Nam gia nhập các Hiệp định đối tác, các tổ chức thương mại toàn cầu.

Phối hợp triển khai có hiệu quả Đề án liên kết tiểu vùng Đồng Tháp Mười với Tiền Giang và Đồng Tháp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả liên kết với Thành

phố Hồ Chí Minh, chú trọng liên kết tiêu thụ nông sản chủ lực của tỉnh. Tập trung thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, bảo đảm đúng thực chất của từng tiêu chí, đồng thời củng cố nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt; đánh giá khả năng đạt được mục tiêu đến năm 2020.

c) Phát triển công nghiệp xây dựng:

Thúc đẩy thực hiện có hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành công nghiệp, tập trung phát triển các ngành chế biến, chế tạo, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ gắn với liên kết chuỗi giá trị của các doanh nghiệp; tập trung hướng dẫn và có lộ trình để các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động. Quy hoạch và thu hút đầu tư năng lượng, ưu tiên năng lượng sạch, thân thiện môi trường theo quy hoạch. Có kế hoạch phối hợp đầu tư hạ tầng điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đặc biệt lưu ý tập trung đầu tư vùng sâu, vùng xa,...

Tập trung kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; phân đấu có thêm khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động. Duy trì hàng quý đối thoại với các doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Cải tiến nâng cao hiệu quả chủ trương tiếp nhận đầu tư vào tỉnh Long An, phân đấu thu hút lấp đầy 400 hecta diện tích các khu, cụm công nghiệp. Duy trì công tác rà soát và kiên quyết xử lý các dự án chậm đầu tư hạ tầng, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Tập trung vốn đầu tư công và tăng cường huy động các nguồn lực ngoài nhà nước bằng các hình thức thích hợp xã hội hóa, hợp tác công tư,... để đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, chương trình đột phá tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ X và các công trình hạ tầng kinh tế xã hội khác của tỉnh theo quy hoạch, sớm khai thác, đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm cấp bách. Đẩy mạnh triển khai thực hiện hiệu quả hợp tác phát triển kinh tế xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Long An giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung thực hiện chương trình kết nối hạ tầng giao thông giữa 02 địa phương.

Kiểm soát thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, ổn định. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội. Khắc phục lệch pha cung cầu; phát triển đa dạng hàng hóa bất động sản.

d) Phát triển thương mại dịch vụ:

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu, hàng hóa của tỉnh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ động nâng cao chất lượng thông tin, dự báo thị trường, giá cả. Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các dự án thương mại, dịch vụ lớn, mang tính chất động lực trên địa bàn tỉnh, nhất là các vùng trọng điểm. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án thương mại, dịch vụ theo quy hoạch, góp phần xóa dần chợ tự phát, phát triển hệ thống bán lẻ, thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa nội địa. Tăng cường biện pháp phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường, giá cả, phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh hàng giả, gian lận thương mại, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Tiếp tục kêu gọi đầu tư, phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tốt các khu du lịch, di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh như: Khu văn hóa đa năng ngoài công lập Làng nổi Tân Lập; khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Khu di tích lịch sử cách mạng Long An, Khu di tích Vàm Nhứt Tảo, Khu Tượng đài Long An Trung dũng kiên cường toàn dân đánh giặc... Liên kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực để hình thành các sản phẩm du lịch mới nhằm thu hút du khách. Triển khai có hiệu quả kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu luân chuyển, cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mở rộng và nâng cao hiệu quả dịch vụ vận tải hành khách công cộng đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, hiện đại, hiệu quả. Phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, cải thiện mạng lưới rộng hơn đưa dịch vụ đến gần hơn với khách hàng. Nâng cao chất lượng và giảm chi phí các loại hình vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics.

đ) Quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách và tín dụng:

Tập trung thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách theo kế hoạch đề ra; siết chặt kỷ luật tài chính, ngân sách ở các ngành, các địa phương; năm 2018 phải tạo sự chuyển biến trong chống thất thu ngân sách, nợ đọng, chuyển giá. Phải tiết kiệm triệt để, chi theo khả năng cân đối; triển khai thực hiện có hiệu quả dự án sắp xếp các đơn vị công lập gắn với tinh giản biên chế; phấn đấu giảm thường xuyên. Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và tăng chi cho quốc phòng, an ninh. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07 ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Sắp xếp, ổn định hoạt động và quản lý, điều hành hệ thống tổ chức tín dụng theo đúng chủ trương, quy định của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; tạo ra thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận vốn tín dụng để sản xuất, kinh doanh; ngày càng đẩy mạnh công tác thanh toán không sử dụng tiền mặt.

e) Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 với mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục thực hiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh thực hiện thoái vốn nhà nước theo kế hoạch. Nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, phấn đấu năm 2018 tiếp tục duy trì ở nhóm “tốt” đến “rất tốt”.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 31/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Chương trình số 19-Ctr/TU ngày 31/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Chương trình số 20-Ctr/TU ngày 31/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư tại một số nước, vùng lãnh thổ có công nghiệp phát triển. Tổ chức tiếp xúc với các tập đoàn kinh tế mạnh trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tranh thủ cơ hội thu hút đầu tư, quan tâm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sử dụng đất hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện có hiệu quả các giải

pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển kinh tế tập thể đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Khuyến khích thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; chú trọng xây dựng các hợp tác xã kiểu mới thật sự hiệu quả để làm mô hình nhân rộng; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác; hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng đầu tư phục vụ sản xuất và các cơ chế chính sách về khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công. Khuyến khích các hình thức tập trung ruộng đất theo quy định và quản lý sử dụng ruộng đất theo quy hoạch; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả ở nông thôn.

g) Đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, giải ngân kịp thời các nguồn vốn đầu tư đã giao. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, bảo đảm các dự án đầu tư phải theo quy hoạch, kế hoạch và phát huy hiệu quả; kiên quyết phòng chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí trong đầu tư xây dựng; xử lý nghiêm các vi phạm,... Chấn chỉnh thực hiện tốt công tác lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực, uy tín, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực tài chính, thi công, yếu kém về công nghệ và máy móc thiết bị, kéo dài thời gian thi công.

Triển khai mạnh đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để phát triển hạ tầng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, công khai, hài hòa lợi ích,... có giải pháp tích cực, hiệu quả để huy động tối đa nguồn lực ngoài nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp FDI thực hiện giải ngân theo cam kết; tăng cường các hoạt động đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI; rà soát các dự án chậm triển khai, tập trung nâng cao chất lượng thu hút FDI để tránh tình trạng đầu tư mới tăng cao nhưng giải ngân chậm; nghiên cứu, triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh nhằm tận dụng cơ hội do hội nhập mang lại.

2. Lĩnh vực văn hóa xã hội:

a) Giáo dục và Đào tạo:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,

đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho ngành giáo dục, tiếp tục đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới. Tăng cường xã hội hóa giáo dục.

Nâng cao trình độ, năng lực giáo viên, cải thiện các phương pháp dạy và học để có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng về kỹ năng và chất lượng. Nâng cao trình độ học sinh ở tất cả các cấp, cần tập trung phát triển giáo dục toàn diện trên các mặt trí tuệ, thể chất và đạo đức. Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tiếp tục triển khai quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, phù hợp thực tế; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, củng cố mạng lưới các trường dạy nghề; tăng cường hợp tác, liên kết về đào tạo với các doanh nghiệp, các địa phương khác trong cả nước và quốc tế tham gia dạy nghề.

b) Y tế:

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới trạm y tế xã, phường, thị trấn và bệnh viện tuyến huyện, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước kiểm soát các bệnh lây nhiễm. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xã hội hóa Bệnh viện Sản nhi để sớm đưa vào hoạt động; kêu gọi đầu tư thêm các cơ sở y tế ngoài công lập, hình thành các cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công tư; nghiên cứu thực hiện mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện tốt lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý môi trường y tế.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực cho y tế, nhất là đội ngũ y, bác sĩ nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo phát huy tối ưu cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở y tế mới được đầu tư. Có chính sách động viên, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ y tế cống hiến, ổn định cuộc sống. Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng và thái độ phục vụ chuyên nghiệp của việc khám chữa bệnh dịch vụ và khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về phòng,

chống dịch; không để các dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giảm chênh lệch tỷ lệ giới tính khi sinh.

c) Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng danh hiệu về văn hóa.

Khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hoá, văn hoá phi vật thể. Phát huy hiệu quả các công trình văn hóa, di tích đã được đầu tư. Quan tâm đầu tư, thu hút đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao ở xã, phường, thị trấn. Đặc biệt chú trọng phát triển mạnh các mô hình tụ điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ quần chúng tại các khu công nghiệp của tỉnh; tổ chức biểu diễn văn nghệ quần chúng, nghệ thuật cải lương miễn phí phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ văn nghệ sĩ, tạo điều kiện thuận lợi để văn nghệ sĩ phát huy tính sáng tạo, tích cực sáng tác và có những tác phẩm có giá trị cao; phát huy tốt vai trò, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh. Tiếp tục thực hiện Đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong tất cả các lĩnh vực, cũng như các hoạt động thể thao. Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động thể thao quần chúng tại các huyện trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện “Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo vận động viên; tập trung đầu tư một số môn thể thao có thể mạnh.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội:

Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động. Tập trung phát triển thị trường xuất khẩu lao động. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, y tế xã hội. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở giá thấp; tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở quốc gia, nhất là các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công với cách mạng. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo, bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, đảm bảo việc thực hiện các quyền của trẻ em. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

3. Tài nguyên môi trường:

Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng, ô nhiễm trong sản xuất nông nghiệp, tập trung quản lý tốt rác thải công nghiệp, nguy hại, rác thải sinh hoạt; giải quyết tốt ô nhiễm tại khu, cụm công nghiệp và các điểm nóng khác. Kiên quyết xử lý các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Kiểm tra và chấn chỉnh tình trạng chuyển nhượng đất đai, xây dựng trái phép trên các địa bàn trọng điểm, nhất là các địa bàn có biến động lớn về đất đai. Quản lý chặt chẽ, xử lý vi phạm trong việc khai thác, vận chuyển đất, cát.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Thúc đẩy huy động mọi nguồn lực, nhất là khu vực tư nhân trong triển khai các hoạt động thực hiện xanh hóa nền kinh tế như một công cụ hiệu quả nhằm hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững theo chương trình nghị sự 2030.

4. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ về chương trình hành động triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn ngừa, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đổi mới phương thức, lề lối làm việc, tăng cường ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân ở các ngành, UBND các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đề cao trách nhiệm giải trình, xử lý nghiêm vi phạm. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, trọng tâm là: Tinh giản biên chế, tinh gọn tổ

chức bộ máy, xác định rõ vị trí việc làm, nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Trung tâm hành chính công của tỉnh và nhân rộng tất cả các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm đều thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; duy trì tiếp công dân, đối thoại với công dân và duy trì hòm thư điện tử của Chính phủ, UBND tỉnh. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, công khai, minh bạch, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính của dân, doanh nghiệp.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao của ngành, UBND các cấp, phải tạo sự chuyển biến trong thực thi công vụ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những các hành vi những nhiều, tiêu cực; người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải thật sự gương mẫu, nêu gương, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ, đồng thời chủ động phối hợp với ngành, địa phương giải quyết các công việc phát sinh, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại kéo dài; tập trung giải quyết các vụ việc mới phát sinh. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiều, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

5. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành, công khai tổ chức chính trị đối lập trong tỉnh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng vùng xa, biên giới. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh, theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 15-CTr/TU ngày 17/5/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển.

7. Thông tin truyền thông

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Cơ quan nhà nước các cấp có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình kinh tế - xã hội, các cơ chế, chính sách mới cho cơ quan thông tấn, báo chí. Tăng cường tiếp xúc, đối ngoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống người dân và hoạt động của doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN, TP.HCM);
 - Thường trực BCĐ Tây Nam bộ;
 - TT TU, TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - TT UBMTTQ tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh Long An;
 - Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
 - Các sở ngành tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Trung tâm Tin học;
 - Phòng TH, KT1, KT2, KGVX, NC;
 - Ban Tiếp công dân tỉnh;
 - Lưu: VT.
- BC_KTXH2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số: 27 /BC-UBND ngày 26 /01/2018 của UBND tỉnh)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện Năm 2017	Đánh giá thực hiện	Kế hoạch năm 2018
1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	9,2	9,53	Vượt	9,4
+ Khu vực nông lâm thủy sản	%	1,5	1,19	Không đạt	1,5
+ Khu vực công nghiệp - xây dựng	%	13,5	15,83	Vượt	14,65
+ Khu vực thương mại - dịch vụ	%	8,0	6,96	Không đạt	7,1
2. GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	56	61	Vượt	68
3. Sản lượng lương thực Trong đó lúa chất lượng cao	Triệu tấn	2,8 1	2,64 1,2	Không đạt	2,70 1,3
4. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	35.000 40-41% GRDP	26.200 Khoảng 28,57% GRDP	Không đạt	31.100 30-31% GRDP
5. Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	11.405	12.265	Đạt	12.855
6. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	9.359	10.139	Đạt	11.890,921
7. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã	08	10	Đạt	08
8. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới	%	31,9	35,8	Đạt	40
9. Tỷ lệ học sinh đi học tiểu học đúng độ tuổi	%	99,9	99,9	Đạt	99,9
10. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương	%	73,5	78,5	Vượt	79
11. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	< 0,7	<0,7	Đạt	<0,7
12. Tỷ lệ xã có bác sĩ		100	100	Đạt	100
13. Bác sĩ/vạn dân	%	> 6,7	>6,7	Đạt	7,0
14. Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân	%	78,8	80,2	Vượt	82,5
15. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	< 9	<9	Đạt	<9,0
16. số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế (theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	%	55	66,1	Vượt	70%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Đánh giá thực hiện	Kế hoạch năm 2018
17. Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa	%	75 (144/192 xã)	60,9 (117/192 xã, thêm 14 xã)	Không đạt	62 (120/192 xã, thêm 03 xã)
18. Giải quyết việc làm	Lao động	Trên 30.000	32.850	Đạt	Trên 30.000
19. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	65,6	Đạt	67
20. Trong đó đào tạo nghề	%	45	45,4	Đạt	48
21. Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 0,3-0,5%	Giảm từ 0,3-0,5%	Đạt	Giảm 0,3%
22. Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,7	99,8	Đạt	99,82
23. Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95,5	95,5	Đạt	96,4
24. Trong đó nước sạch	%	24	24	Đạt	28
25. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở khu vực đô thị, thị trấn, thị tứ	%	96	96	Đạt	97
26. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	97%	Không đạt (còn 01 CCN Hoàng Gia đang xây dựng hệ thống xử lý)	100
27. Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện có hệ thống xử lý nước thải	%	100	100	Đạt	100
28. Hợp tác xã được thành lập mới	hợp tác xã	10	28	Vượt	30